

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: BÁC SĨ THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TY03024: BỆNH DO RỐI LOẠN DINH DƯỠNG (NUTRITION DISORDER)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ: 2TC (Lý thuyết: 1,5TC - Thực hành: 0,5TC - Tự học: 6TC)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 8 tiết
- Tự học: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Nội- Chẩn- Dược
 - Khoa: Thú y
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương		Cơ sở ngành		Chuyên ngành X	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input type="checkbox"/>	X				

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức chuyên môn	
CDR3. Áp dụng kiến thức thú y vào việc chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi một cách hiệu quả.	3.1: Theo dõi sức khỏe vật nuôi
CDR4. Thiết kế các chương trình chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi, các quy trình phòng chống dịch bệnh cho động vật theo các tiêu chuẩn quy định.	4.1: Thiết kế các chương trình chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi
Kỹ năng chuyên môn	
CDR8: Thực hiện thành thạo các kỹ năng lâm sàng và phi lâm sàng, các qui trình kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi nhằm góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng	8.1: Thực hiện thành thạo các kỹ năng lâm sàng và phi lâm sàng, các qui trình kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi nhằm góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng

Chuẩn đầu ra của CTĐT		Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:		
vật.		
CĐR11: Nghiên cứu khoa học giải quyết thành công các vấn đề của lĩnh vực thú y.	11.4: Vận dụng các kết quả nghiên cứu vào việc giải quyết thành công các vấn đề của lĩnh vực thú y	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CĐR12: Tuân thủ qui định và luật pháp, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.	12.2: Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp của bác sĩ thú y	

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

* **Mục tiêu:**

- Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức về đặc điểm tiêu hóa của gia súc, gia cầm, vai trò của các chất dinh dưỡng trong chăn nuôi, nguyên nhân, triệu chứng và các phương pháp phòng, điều trị bệnh do rối loạn dinh dưỡng ở vật nuôi
- Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng nhận biết một số biểu hiện bệnh do rối loạn dinh dưỡng ở vật nuôi bằng cách gây bệnh thực nghiệm Từ đó đưa ra biện pháp phòng và điều trị bệnh.
- Học phần hình thành cho người học nhận thức rõ trách nhiệm và vai trò của người bác sĩ thú y.

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT				
TY03024	Bệnh do rối loạn dinh dưỡng	3.1	4.1	8.1	11.4	12.2
		R	R	R	R	R

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng các kiến thức về dinh dưỡng để theo dõi và đánh giá tình hình sức khỏe của vật nuôi.	3.1
K2	Thiết kế các phương pháp chẩn đoán và điều trị bệnh do rối loạn dinh dưỡng cho vật nuôi	4.1
Kỹ năng		
K3	Thực hiện thành thạo các kỹ năng lâm sàng, các qui trình kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị bệnh rối loạn dinh dưỡng cho vật nuôi nhằm góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng	8.1
K4	Vận dụng các kết quả nghiên cứu vào việc giải quyết thành công các vấn đề của lĩnh vực thú y	11.4
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp của bác sĩ thú y	12.2

IV. Nội dung tóm tắt của học phần

Mã: TY03024. Tên học phần: Bệnh do rối loạn dinh dưỡng (Tổng số tín chỉ: 2TC. Tổng số tín chỉ lý thuyết: 1.5TC – Tổng số tín chỉ thực hành: 0.5TC – Tổng số tín chỉ tự học: 6TC).

Học phần này gồm:

- Đặc điểm tiêu hóa của gia súc, gia cầm
- Vai trò của các chất dinh dưỡng trong chăn nuôi
- Bệnh do rối loạn dinh dưỡng ở gia cầm
- Bệnh do rối loạn dinh dưỡng ở gia súc

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4	K5
Thuyết giảng	x	x			x
Giảng dạy thông qua thực hành	x	x	x	x	x

2. Phương pháp học tập

- Dự giờ lý thuyết
- Sinh viên tự đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi đến lớp
- Tham gia thảo luận, trao đổi trên lớp
- Tham gia thực hành

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia ít nhất 70% thời lượng môn học.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc trước nội dung tại giáo trình Bệnh do rối loạn dinh dưỡng ở gia súc và gia cầm (Phạm Ngọc Thạch, Phạm Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Bảy, 2019) trước khi đến lớp học.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia đầy đủ các bài thực hành và sau khi kết thúc thực hành sẽ kiểm tra các kiến thức thực hành lâm sàng.
- Thi giữa kì: trong quá trình học lý thuyết sẽ có ít nhất 01 bài kiểm tra đột xuất thời gian từ 10 đến 30 phút (dạng bài tự luận) để lấy điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Thi cuối kì: Sinh viên dự thi hết môn theo hình thức thi tự luận sau khi hoàn thành các nội dung trên

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2. Ma trận đánh giá

KQHTMD	K1	K2	K3	K4	K5	Thời gian/tuần học
Đánh giá quá trình						
Rubric 1. Tham dự lớp (5%)						Theo lịch học lý thuyết của Học viện
Rubric 2. Đánh giá giữa kỳ bằng bài thi tự luận hoặc trắc nghiệm (10%)	x	x				Từ đầu đến giữa kỳ
Rubric 3. Đánh giá báo cáo chuyên đề semina (25%)	x	x	x	x	x	Theo lịch thực hành của Học viện
Đánh giá cuối kì						
Rubric 4. Thi cuối kì (60%)	x	x				Theo lịch thi của Học viện

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số(%)	Tốt (8.0-10 điểm)	Khá (5.0-7.0 điểm)	Kém (0-4.9 điểm)
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động thảo luận > 5 lần/buổi	Có chú ý, tham gia thảo luận từ 3-5 lần/buổi	Không chú ý, không tham gia
Thời gian tham dự	50	SV tham gia 70% số buổi trở lên thì được đú 50%; vắng 1 buổi không lý do chính đáng bị trừ 10%.		

Rubric 3: Đánh giá báo cáo chuyên đề semina

Tiêu chí	Trọng số (%)	Mức chất lượng			
		Tốt 8.5-10 điểm	Khá 6.-8.4 điểm	Trung bình 4.0-6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Nội dung	50	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
Trình bày báo cáo	10	Mạch lạc, rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Tương đối ràng	Thiếu rõ ràng
	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không hiểu được các nội dung quan trọng

Cấu trúc bài báo cáo	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện được sự kết nối trong nhóm

Bảng 3. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần dành cho kiểm tra giữa kì và thi cuối kì (hình thức thi tự luận)

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1: Áp dụng các kiến thức về đặc điểm sinh lý để theo dõi và đánh giá tình hình sức khỏe của vật nuôi	Chỉ báo 1: Áp dụng các đặc điểm sinh lý giải phẫu ở gia súc, gia cầm để theo dõi và đánh giá tình hình sức khỏe vật nuôi
K2: Thiết kế các phương pháp chẩn đoán bệnh rối loạn dinh dưỡng cho vật nuôi.	Chỉ báo 2: Thiết kế các phương pháp chẩn đoán bệnh rối loạn dinh dưỡng cho vật nuôi. Chỉ báo 3: Thiết kế các phương pháp điều trị bệnh rối loạn dinh dưỡng cho vật nuôi.

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Không tham gia đầy đủ các bài thực hành sẽ không đủ điều kiện để tham dự kỳ thi cuối kỳ
- Điểm thực hành dưới 2 điểm sẽ không đủ điều kiện tham dự kỳ thi cuối kỳ môn học đó
- Nhờ người đi học hộ sẽ không đủ điều kiện tham dự kỳ thi cuối kỳ
- Tham dự các bài thi: Không tham gia kiểm tra/thi bài nào sẽ mất điểm bài đó
- Yêu cầu về đạo đức: Mọi gian lận trong học tập (VD điểm danh hộ, đi thực hành hộ) và thi cử (VD sử dụng tài liệu/vật dụng không được phép, nhìn bài, trao đổi khi làm bài) sẽ bị xử lý theo quy chế chung.

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* **Sách giáo trình/Bài giảng: (Liệt kê ít nhất 1 giáo trình)**

- Phạm Ngọc Thạch, Phạm Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Bảy (2019). Bệnh do rối loạn dinh dưỡng ở gia súc và gia cầm. NXB Học viện Nông nghiệp.

* **Tài liệu tham khảo khác: (Liệt kê ít nhất 3 tài liệu tham khảo)**

- Phạm Thị Lan Hương, Nguyễn Văn Thanh, Phạm Ngọc Thạch, Chu Đức Thắng. **Nghiên cứu một số chỉ tiêu huyết học ở chó mắc bệnh còi xương.** Tạp chí Khoa Học KTTV. Tập XXIII- số 8-2016.

- Phạm Thị Lan Hương, Nguyễn Văn Thanh, Phạm Ngọc Thạch. **Thực trạng bệnh còi xương trên chó tại một số tỉnh miền Bắc và thử nghiệm điều trị.** Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. Tập 15- số 6- 2017.

- Pham Thi Lan Huong. **Application of X- Ray in diagnosis of canine rickets.** Journal of animal Husbandry Sciences and Technics. No 247 (Aug, 2019).

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1, 2	<p>Chương 1: Đặc điểm tiêu hóa của gia súc và gia cầm</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết)</p> <p>1.1. Đặc điểm tiêu hóa của gia cầm 1.2. Đặc điểm tiêu hóa của lợn 1.3. Đặc điểm tiêu hóa của chó</p>	K1
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</p> <p>1.4. Đặc điểm tiêu hóa của thỏ 1.5. Đặc điểm tiêu hóa của ngựa 1.6. Đặc điểm tiêu hóa của động vật nhai lại</p>	
3, 4	<p>Chương 2: Vai trò của các chất dinh dưỡng trong chăn nuôi</p> <p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>2.1. Vai trò của protein 2.2. Vai trò của lipit 2.3. Vai trò của gluxit</p>	K1
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</p> <p>- Vai trò của Vitamin - Vai trò của các chất khoáng - Vai trò của nước</p>	
5,6	Chương 3: Bệnh do rối loạn dinh dưỡng ở gia cầm	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (14 tiết)	K1, K2, K3,

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	<p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết)</p> <p>3.1. Dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi ở gia cầm 3.2. Bệnh do chế độ dinh dưỡng ở gia cầm 3.3. Bệnh do suy dinh dưỡng ở gia cầm</p> <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (8 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gây bệnh thực nghiệm về bệnh do rối loạn dinh dưỡng trên gia cầm - Semina theo nhóm về các biểu hiện do rối loạn dinh dưỡng ở gia cầm - Chiếu hình ảnh <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (42 tiết)</p> <p>Bệnh do rối loạn dinh dưỡng ở gia cầm</p>	K4, K5
7	<p>Chương 4: Bệnh do rối loạn dinh dưỡng ở gia súc</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (4 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (4 tiết)</p> <p>4.1. Bệnh do rối loạn dinh dưỡng chung ở gia súc</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bệnh ở dạ dày loài nhai lại - Bệnh do rối loạn dinh dưỡng ở ngựa - Bệnh do rối loạn dinh dưỡng ở thỏ 	K1, K2

X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: có đủ không gian, thiết bị dụng cụ và vật tư tối thiểu cho việc dạy và học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: có máy chiếu đa phương tiện, kết nối internet (LAN/wifi), hệ thống loa/micro và bảng viết (bút/phản). Tất cả đều phải được bảo trì thường xuyên và luôn trong điều kiện hoạt động tốt.
- Các phương tiện khác: bảng flipchart và giấy bút dùng cho việc báo cáo chuyên đề và thảo luận của sinh viên.
- Các nền tảng giảng dạy online: E-learning và Ms team

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Văn Phan
TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bùi Trần Anh Đào

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Lan Hương



GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Ngọc Thạch	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0989083017
Email: pnthach@vnua.edu.vn	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Chu Đức Thắng	Học hàm, học vị: PGS. TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0912223473
Email: edthang@vnua.edu.vn	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đàm Văn Phải	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0962591753
Email: dvphai@hua.edu.vn	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Thị Lan Hương	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0972362918
Email: huongsu0519@gmail.com	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMĐ, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

Hướng dẫn: Giảng viên sử dụng ma trận phương pháp giảng dạy và đánh giá ở các mục 1. Phương pháp giảng dạy thuộc V. Phương pháp giảng dạy và học tập; mục 3. Phương pháp đánh giá thuộc VII. Đánh giá và cho điểm để đưa vào bảng tóm tắt thể hiện sự tương thích

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5
DẠY VÀ HỌC					
Thuyết giảng	x	x			x
Giảng dạy thông qua thực hành			x	x	x
ĐÁNH GIÁ					
Rubric 1. Tham dự lớp					
Rubric 2. Đánh giá giữa kỳ bằng bài thi tự luận hoặc trắc nghiệm	x	x			
Rubric 3. Đánh giá báo cáo chuyên đề semina	x	x	x	x	x
Rubric 4. Thi cuối kì (60%)	x	x			

CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG:

- Lần 1: 7/ 2018

Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo

- Lần 2: 7/ 2019

Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo

- Lần 3: 7/ 2020

Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo

- Lần 4: 7/ 2021

Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo

-Lần 5: 7/2022

Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo